

STT	Tiêu chí	Mô tả	Câu hỏi khảo sát	Định hướng trả lời (thang điểm (1–5)	Trả lời của đơn vị (chọn thang điểm từ 1 đến 5 cho mỗi tiêu chí)	Điểm tối đa
1	Đúng (Accuracy – Chính xác)					
1.1	Xác thực dữ liệu bởi chính chủ thể cung cấp (người dân, tổ chức, doanh nghiệp)	Dữ liệu được xác thực thông qua các hình thức như: - Đối chiếu giấy tờ gốc hoặc bản số hóa (CMND, giấy phép, hợp đồng...) - Ký số/xác thực số qua các nền tảng định danh điện tử (VNeID, chữ ký số...) - Chủ thể trực tiếp kê khai trên hệ thống với xác minh kỹ thuật (OTP, tài khoản định danh...). Mức độ phản ánh tần suất và cơ chế xác thực tại thời điểm thu thập hoặc cập nhật dữ liệu.	Dữ liệu của hệ thống có được xác thực bởi chính chủ thể không? Nếu có, mức độ xác thực thường xuyên và hình thức xác thực hiện tại là gì? Quy trình cập nhật dữ liệu có bao gồm bước xác thực của chủ thể không?	0- Không xác thực hoặc dữ liệu được nhập từ nguồn thứ cấp, không có cơ chế kiểm chứng 1- Xác thực thủ công, không định kỳ (kiểm tra ngẫu nhiên, kiểm tra giấy tờ không thường xuyên) 3- Xác thực định kỳ thủ công (hàng tháng/quý; phải tải lên giấy tờ hoặc ký xác nhận) 5- Xác thực theo thời gian thực (ngay khi thay đổi, qua định danh tài khoản: Ví dụ: VNeID)		5
1.2	Xác thực bởi chủ quản dữ liệu	Dữ liệu do đơn vị chủ quản thực hiện số hóa, thu thập từ TTHC, hồ sơ gốc, CSDL chuyên ngành Có quy trình thu thập qua các bước phê duyệt, thực hiện ký số bởi cán bộ	Có quy trình xác minh dữ liệu với cơ quan cấp phát không? Có xác minh người nhập hoặc tạo dữ liệu không?	0-Không xác thực 1-Hàng tháng 2-Hàng tuần 3-Hàng ngày 4-Hàng giờ 5-Thời gian thực		5
1.3	Xác thực với dữ liệu dân cư	Dữ liệu cá nhân được xác thực, đồng bộ với dân cư	Dữ liệu cá nhân được xác thực, đồng bộ với dân cư không? Tỷ lệ xác thực thế nào?	0-Không xác thực 1-Hàng tháng 2-Hàng tuần 3-Hàng ngày 4-Hàng giờ 5-Thời gian thực		5
1.4	Dữ liệu phản ánh đúng thực tế tại thời điểm ghi nhận	Có thể truy xuất và kiểm chứng nguồn gốc của dữ liệu	Dữ liệu có sai sót phổ biến, các trường thông tin quan trọng (tên, mã số, họ tên, ngày sinh, địa chỉ...?) không? Có thể truy xuất và kiểm chứng nguồn gốc của dữ liệu	0-Không kiểm chứng 1-Đúng <70% 3-Đúng 70%-90% 5-Đúng >90%		5
2	Đủ (Completeness – Đầy đủ)					
2.1	Đã đủ thông tin mô tả về đối tượng nghiệp vụ theo quy định	Cung cấp văn bản quy định về các thông tin của từng đối tượng nghiệp vụ Xác định CSDL đã lưu đủ các thông tin theo quy định mới nhất chưa => Bản ghi phải có đầy đủ trường dữ liệu thiết yếu	Dữ liệu có được quy định đủ các trường chuẩn theo quy định bộ/ngành?	0-Không có quy định 1-Dưới 70% 3-Từ 70%-90% 5- Trên 90%		5
2.2	Đã đủ số lượng bản ghi theo đối tượng nghiệp vụ	Đối tượng nghiệp vụ đã số hóa đầy đủ dữ liệu vào CSDL chưa Ví dụ CSDL Dân cư đã có đủ 105 triệu bản ghi dữ liệu dân cư từ năm... (dữ liệu người dân đã mất từ trước năm... chưa có trong CSDL Dân cư)	Đơn vị có bao nhiêu bản ghi đủ dữ liệu bắt buộc? Tỷ lệ bản ghi đủ trường quan trọng? Có kiểm tra/tự động cảnh báo bản ghi thiếu dữ liệu không?	0-Không có dữ liệu 1-Dưới 70% 3-Từ 70%-90% 5- Trên 90%		5
2.3	Dữ liệu đủ thông tin thu thập theo thông tư 08	Nếu đối tượng thuộc nhóm thông tin thu thập về TTDLQG	Có quy định cụ thể về dữ liệu bắt buộc không? (ánh xạ với thông tư 08/TT-BCA)	0-Không có dữ liệu 1-Dưới 70% 3-Từ 70%-90% 5- Trên 90%		5
2.4	Đủ thông tin từ điển dữ liệu	Đủ thông tin siêu dữ liệu nghiệp vụ, siêu dữ liệu kỹ thuật...	Có thông tin nghiệp vụ định nghĩa về ngữ nghĩa nghiệp vụ của dữ liệu? Có thông tin kỹ thuật, thiết kế của dữ liệu? Thông tin từ điển đã được lưu thành CSDL?	0-Không có thông tin 1-Có từ điển nghiệp vụ 2-Có thêm từ điển kỹ thuật 3-Từ điển trong CSDL 5-Từ điển được chia sẻ		5
3	SẠCH (Cleanliness – Sạch, không lỗi, không nhiễu)					
3.1	Dữ liệu được chuẩn hóa theo các DMDC của bộ ngành	Các dữ liệu danh sách của nghiệp vụ đã tuân theo DMDC của bộ ngành chưa. Xác nhận đồng thời danh sách DMDC của bộ ngành	Có kiểm tra chéo với nguồn dữ liệu thứ cấp hoặc chuẩn hoá DMDC không?	0-Không áp dụng 1-DMDC riêng 3-DMDC ngành 5-DMDC quốc gia		5
3.2	Dữ liệu có thường xuyên được rà soát để loại bỏ dữ liệu trùng, thừa	Có quy trình rà soát, chuẩn hóa, loại bỏ dữ liệu trùng thừa không Nếu có -> tần suất, phương thức rà soát, quy tắc chuẩn hóa, loại bỏ dữ liệu	Có cơ chế tự động kiểm tra trùng lặp dữ liệu không? Có quy trình rà soát – làm sạch dữ liệu định kỳ không?	0-Không rà soát 1-Hàng tháng 2-Hàng tuần 3-Hàng ngày 4-Hàng giờ 5-Thời gian thực		5
3.3	Dữ liệu đã sàng sàng chuẩn hóa theo thông tư 08	Đã chuẩn hóa, cung cấp dữ liệu theo các thuộc tính của thông tư 08	Có trùng lặp dữ liệu không? Có dùng mã định danh duy nhất? Có quy trình làm sạch định kỳ không?	0-Chưa áp dụng TT08 1-Áp dụng dưới 70% 3-Áp dụng từ 70%-90% 5- Áp dụng trên 90%		5
4	SỐNG (Living data – Dữ liệu sống, có giá trị trong thực hiện TTHC)					
4.1	Dữ liệu đã được cập nhật theo thời gian thực tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ (real time)	Có: Dữ liệu được nhập vào CSDL ngay khi phát sinh đối tượng nghiệp vụ	Dữ liệu được cập nhật như thế nào?	0-Không liên kết nghiệp vụ 1-Hàng tháng 2-Hàng tuần 3-Hàng ngày 4-Hàng giờ 5-Thời gian thực		5
4.2	Độ trễ thời gian cập nhật dữ liệu thực so với nghiệp vụ	Nhập thời gian độ trễ trung bình tính từ thời điểm phát sinh đối tượng nghiệp vụ tới khi có dữ liệu trong CSDL	Tần suất cập nhật dữ liệu trung bình là bao lâu?	0-Không đo được 1-Hàng tháng 2-Hàng tuần 3-Hàng ngày 4-Hàng giờ 5-Thời gian thực		5
4.3	Dữ liệu phải được cập nhật kịp thời theo thay đổi thực tế	Ví dụ: Khi công dân đổi nơi cư trú, dữ liệu cư trú phải cập nhật ngay - Thiết lập cơ chế cập nhật tự động từ nguồn chính - Có chính sách, chế tài về thời gian cập nhật	Có công cụ giám sát tính thời gian thực của dữ liệu không? Có log thay đổi, truy xuất lịch sử không?	0-Không đo được 1-Hàng tháng 2-Hàng tuần 3-Hàng ngày 4-Hàng giờ 5-Thời gian thực		5
5	Thống nhất (Consistency)					
5.1	Tính đồng nhất về giá trị	Dữ liệu giống nhau phải có giá trị giống	Dữ liệu có lưu trữ ở nhiều HTTT/CSDL	0-Không đo được		5
5.2	Tính đồng nhất về định dạng	Dữ liệu phải tuân thủ định dạng chuẩn:	Dữ liệu khi thiết kế đã tuân theo quy	0-Không đo được		5
5.3	Thời gian cập nhật dữ liệu	Dữ liệu gốc khi thay đổi cần cập nhật cho	Dữ liệu liên kết có được cập nhật	0-Không đo được		5
6	Dùng chung (Shared)					
6.1	Trao đổi dữ liệu các hệ thống	Dữ liệu có được trao đổi trao đổi với các	Dữ liệu của đơn vị có đang chia	0-Không có trao đổi dữ liệu		5
6.2	Tiêu chuẩn trao đổi kết nối	Tiêu chuẩn trao đổi kết nối giữa các hệ	Dữ liệu đã có tiêu chuẩn trao đổi kết	0-Không có quy định		5
6.3	Dữ liệu sẵn sàng trao đổi	Dữ liệu đã sẵn sàng trao đổi chưa	Dữ liệu đã sẵn sàng trao đổi chưa	0- Chưa sẵn sàng		5
	TỔNG					100